

**Phiếu kiểm kê bước đầu về
Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ở Hội An**

1. Tên gọi

- Tên thường gọi: Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh
- Tên gọi khác: Thiền phái Minh Hải – Pháp Bảo

2. Loại hình

Tôn giáo

3. Địa điểm phân bố

Thành phố Hội An

4. Chủ thể văn hóa

Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh thuộc sự quản lý và điều hành của Ban trị sự Phật giáo Hội An. Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Hội An hiện nay gồm:

- Thượng tọa Thích Hạnh Hoa (*Trụ trì tổ đình Phước Lâm*): Trưởng ban
- Thượng tọa Thích Đồng Mẫn (*Trụ trì tổ đình Chúc Thánh*): Phó ban
- Thượng tọa Thích Hạnh Nhẫn (*Trụ trì chùa Minh Giác*): Phó ban

5. Miêu tả

5.1. Quá trình hình thành

Kể từ khi vào trần thủ hai xứ Thuận - Quảng (1558), chúa Tiên - Nguyễn Hoàng cũng như các Chúa về sau đều là những người sùng mộ Phật pháp. Tuy rằng các Chúa không lấy Phật giáo làm quốc giáo như thời Lý - Trần, nhưng lại lấy Phật giáo làm chỗ dựa cho chính sách an dân trị quốc. Tại nơi đây, các dòng Thiền được truyền bá và phát triển mạnh mẽ, trong đó có Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh.

Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh là một trong những chi nhánh của dòng Thiền Lâm Tế tại Trung Hoa. Dòng Thiền Lâm Tế Chúc Thánh được Thiền sư Minh Hải - Pháp Bảo khai sáng vào những năm cuối thế kỷ XVII tại chùa Chúc Thánh ở Hội An. Thiền sư Minh Hải pháp danh thượng Minh hạ Hải, tự Đắc Trí hiệu Pháp bảo, người tỉnh Phúc Kiến Trung Hoa, là một trong những vị Thiền sư được Thiền sư Nguyên Thiều mời qua Việt Nam dưới thời chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687 – 1691). Vì vậy, dòng Thiền này còn có tên gọi khác là Thiền phái Minh Hải - Pháp Bảo.

Kể từ khi Tổ sư Minh Hải khai sơn xuất kệ truyền thừa, Thiền phái Chúc Thánh đã trải trên 300 năm hình thành và phát triển. Trong suốt chuỗi thời gian song hành cùng dân tộc, các Thiền sư thuộc Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã đem ý chỉ của Tổ

truyền bá khắp mọi nơi và góp vào lịch sử Phật giáo Việt Nam những trang sử vẻ vang. Ngày nay, Thiên phái Chúc Thánh có mặt khắp các tỉnh miền Trung và Nam Việt Nam, thậm chí còn phát triển mạnh ở nước ngoài.

Trước khi Thiên phái Chúc Thánh ra đời, tại Quảng Nam đã có nhiều vị Thiên sư đến truyền bá và giảng đạo như Thiên sư Minh Châu, Thạch Liêm, Hưng Liên v.v. Tuy nhiên, các Thiên sư chỉ trụ một thời gian rồi ra đi. Thiên sư Minh Châu cùng với 50 đệ tử vượt biển ra Đàng Ngoài vào tháng 3 năm Nhâm Tuất (1682). Kế đến là hai thầy trò Thiên sư Thạch Liêm và Hưng Liên của dòng Tào Động. Thiên sư Thạch Liêm qua chỉ một thời gian ngắn, còn Thiên sư Hưng Liên được phong Quốc sư và trụ tại chùa Tam Thai (Quảng Nam). Tuy nhiên, sau khi Thiên sư Thạch Liêm về nước và Thiên sư Hưng Liên viên tịch thì sự truyền thừa của dòng Tào Động tại Quảng Nam xem như không còn.

Sự hoàng hóa của các Thiên sư kể trên đã làm cho người dân đất Quảng thấm nhuần Phật pháp. Việc Thiên sư Minh Hải quyết định trụ lại Quảng Nam hoàng hóa đã đáp ứng được niềm mong đợi của đa số quần chúng. Nếu như các Thiên sư Minh Châu, Thạch Liêm là người có công xây dựng nền móng thì Thiên sư Minh Hải là người có công phát triển Phật giáo Hội An, Quảng Nam.

- Lược sử Thiên Sư Minh Hải

Thiên sư Minh Hải (1670-1746) thế danh Lương Thế Ân, sinh vào giờ Tuất, ngày 28 tháng 6 năm Canh Tuất (1670) tại làng Thiệu An, huyện Đông An, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc. Thân phụ là Lương Đôn Hậu, thân mẫu là Trần Thục Thận, là người con thứ hai trong gia đình.

Năm Mậu Ngọ (1678), khi vừa lên 9 tuổi, Thiên sư được song thân đưa đến xuất gia tại chùa Báo Tư thuộc tỉnh Phước Kiến. Sau một thời gian dài tu học, khi tuổi tròn 20, Thiên sư thọ giới với pháp danh Minh Hải, tự Đắc Trí, hiệu Pháp Bảo, nối pháp đời 34 dòng Lâm Tế.

Năm Ất Hợi (1695), cùng với các Thiên sư Minh Vật-Nhất Trí, Minh Hoàng-Tử Dung, Minh Lượng-Thành Đăng v.v... trong hội đồng thập sư cùng Hòa thượng Thạch Liêm theo lời thỉnh cầu của chúa Nguyễn Phúc Chu sang Đàng Trong truyền giới. Phái đoàn xuống thuyền tại bến Hoàng phố và cập bến Hội An vào ngày 28/1 năm Ất Hợi (1695). Sau đó, đoàn ra Thuận Hóa, được chúa Nguyễn Phúc Chu đón tiếp trọng thể và thỉnh về ngụ tại chùa Thiên Lâm.

Sau khi giới đàn tại Huế, ngày 28/6 năm Ất Hợi (1695), phái đoàn trở vào lại Hội An để chờ thuyền về nước. Tại Hội An, đoàn trú ở chùa Di Đà (sau này đổi tên là Chiên Đàn) và thể theo lời thỉnh cầu của chư Tăng cũng như bản đạo, Thiên sư Thạch Liêm lập đàn truyền giới cho 300 giới tử. Ngày 12 tháng 10, chúa Nguyễn mời Thiên sư Thạch Liêm trở lại Phú Xuân lập đàn cúng Phật truyền giới một lần nữa tại chùa

Thiên Mục. Sau đó đến ngày 24 tháng 6 năm Bính Tý (1696) Thiền sư Thạch Liêm cùng với phái đoàn trở về Quảng Đông.

Sau khi Thiền sư Thạch Liêm về nước, một số vị trong phái đoàn ở lại Đàng Trong, trong đó Thiền sư Minh Hoằng-Tử Dung khai sơn chùa Ấn Tông ở Thuận Hoá, Thiền sư Minh Lượng-Thành đăng khai sơn chùa Vạn Đức-Hội An và Thiền sư Minh Hải-Pháp Bảo khai sơn chùa Chúc Thánh tại Hội An.

5.2. Hình thức biểu hiện

5.2.1. Về truyền thừa

Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh Hội An dùng bài kệ của thiền sư Minh Hải, gồm bài kệ truyền Pháp danh:

*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương
Ấn Chơn Như Thị Đồng
Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu
Kỳ Quốc Tộ Địa Trường*

Và bài kệ truyền Pháp tự:

*Đắc Chánh Luật Vi Tông
Tổ Đạo Giải Hành Thông
Giác Hoa Bồ Đề Thọ
Sung Mãn Nhân Thiên Trung*

Bài kệ này bao gồm bốn mươi chữ và được chia ra làm hai phần. Phần đầu gồm 4 câu đầu được dùng để đặt Pháp danh và phần còn lại để đặt Pháp tự. Thiền sư Minh Hải có pháp danh chữ Minh và Pháp tự là chữ Đắc. Tiếp đến, hàng đệ tử của Thiền sư theo thứ tự có pháp danh chữ Thiệt và pháp tự chữ Chánh như: Thiệt Diệu-Chánh Hiền, Thiệt Dinh-Chánh Hiển, Thiệt Đăng-Chánh Trí v.v... Chính sự truyền thừa có thứ tự như vậy nên chúng ta dễ dàng nhận ra vị nào là đệ tử Thiền sư Minh Hải.

Trong quá trình truyền thừa và phát triển, trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, tại Hội An, Quảng Nam đều có các vị Thiền sư đóng vai trò chủ đạo của tông môn. Các vị Thiền sư tiêu biểu trong sự nghiệp truyền thừa như *Thiền sư Minh Lượng (1626 – 1709) khai sơn chùa Vạn Đức, Thiền sư Phổ Thoại (1875 - 1954) khai sơn chùa Long Tuyền, Thiền sư Ấn Triêm (1712-1796) khai sơn chùa Phước Lâm...*

5.2.2. Về tôn chỉ hành đạo: kể từ ngày Tổ sư Minh Hải khai sơn cho đến nay vẫn không thay đổi. Tùy vào quá trình hành đạo và giữ đạo luôn được áp dụng tùy từng hoàn cảnh đã thể hiện được tinh thần của người Phật tử “*Phụng sự chúng sanh tức là cúng dường chư Phật*” đem lại sự an lạc cho mọi người.

5.2.3. Về phương pháp hành trì: cũng như Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh các tỉnh thành trong cả nước, Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh Hội An lấy thiền định

làm chủ yếu. Muốn thiền định phải áp dụng hai cách điều Thân và điều Tâm, không nghĩ đến điều ác, cứu thế giúp đời, rèn luyện thân được thanh tịnh.

5.2.4. Về tổ chức sư môn: Thiền phái Lâm tế Chúc Thánh đặt trụ sở chính tại tổ đình Chúc Thánh Hội An. Cơ cấu tổ chức bao gồm 2 Hội đồng. Hội đồng trưởng lão và Hội đồng điều hành. Hội đồng trưởng lão gồm các vị tiêu biểu cho giới luật, có nhiệm vụ chứng minh các đại lễ, đàn giới của môn phái. Hội đồng Điều hành có trách nhiệm điều hành mọi công tác Phật sự của môn phái. Đứng đầu môn phái có một vị Trưởng môn phái và nhiều vị Phó trưởng môn phái, Chánh – Phó thư ký và các ủy viên. Các vị Phó trưởng môn phái là Chi phái trưởng tại các tỉnh thành. Hội nghị cũng đã thông qua bản Nội quy của môn phái bao gồm 7 chương 16 điều. Đồng thời, trong hội nghị này, môn phái cũng đã quy định 3 năm một lần vào ngày giỗ tổ Minh Hải mùng 7 tháng 11 các năm thuộc chi Dần, Tỵ, Thân, Hợi, Tảng ni các nơi tổ chức về Tổ đình Chúc Thánh để bàn tổng kết đánh giá những thành tựu, ưu khuyết của môn phái, từ đó vạch ra chương trình sinh hoạt trong những năm tới. Thông lệ này được thực hiện đều đặn từ đó cho đến nay.

5.2.5. Về lễ nghi và thờ tự: hàng năm môn đồ các chùa thuộc Thiền phái này đều tổ chức những ngày lễ lớn của đạo Phật như:

- + Ngày 08/02: Đức Phật Thích Ca xuất gia
- + Ngày 15/02: Đức Phật Thích Ca nhập Niết bàn
- + Ngày 19/02: Khánh đàn Đức Quán Thế Âm Bồ tát
- + Ngày 21/02: Khánh đàn Đức Phổ Hiền Bồ tát
- + Ngày 16/3: Khánh đàn Đức Chuẩn Đề Bồ tát
- + Ngày 04/4: Khánh đàn Đức Văn Thù Bồ tát
- + Ngày 15/4: Đức Phật Thích Ca đản sinh
- + Ngày 13/7: Khánh đàn Đức Đại Thế Chí Bồ tát
- + Ngày 14/7: Lễ Tự tứ
- + Ngày 15/7: Lễ Vu lan
- + Ngày 30/7: Khánh đàn Đức Địa Tạng Bồ tát
- + Ngày 30/9: Khánh đàn Đức Phật Dược sư
- + Ngày 17/11: Khánh đàn Đức Phật A Di Đà
- + Ngày 08/12: Đức Phật Thích Ca thành đạo

Bên cạnh đó, môn đồ còn tổ chức kỵ tổ các Thiền sư khai sơn và có công trùng tu xây dựng chùa như Thiền sư Minh Hải, Minh Lượng, Phổ Thoại, Minh Giác...

Cách thờ tự của Thiền phái này nhìn chung theo mô típ như sau tại Đại hùng bảo điện thờ Đức Phật Thích ca, Di Đà tam tôn gồm tượng Phật Di Đà ở giữa, bên phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, bên trái là Đại Thế Chí Bồ Tát. Gian bên phải của án thờ chính thờ tượng Phổ Hiền Bồ tát. Gian bên trái của án thờ chính thờ tượng Bồ Tát

Văn Thù. Hai bên hành lang thờ Thập Bát La Hán. Ở tiền đường thờ Tiêu diện Đại sĩ và Hộ Pháp Vi Đà. Sau cùng là Tổ đường thờ Bồ Đề Đạt Ma và Long vị các vị trụ trì chùa. Phía sau Tổ đường thường có các khu tháp mộ nơi an táng các vị trụ trì của chùa.

5.2.6. Về cách xưng hô

Đạo Phật đã có mặt tại Hội An - Quảng Nam từ hàng trăm năm trước, những giá trị tinh thần của Phật giáo đã đi vào đời sống xã hội như một thực thể hòa hợp và gắn bó, những tác động và ảnh hưởng của Phật giáo được biểu hiện trong từng nhịp sống của người dân Hội An nói riêng, Việt Nam nói chung. Nhìn chung Phật giáo Hội An – Quảng Nam và các tỉnh/thành khác trong cả nước đều có chung cách xưng hô. Có thể chia ra hai trường hợp xưng hô:

- + Một là xưng hô giữa hàng phật tử xuất gia với phật tử xuất gia.
- + Hai là xưng hô giữa người phật tử xuất gia với phật tử tại gia.

Trước hết, chúng ta cùng tìm hiểu một số vấn đề liên quan đến danh xưng trong đạo Phật, đó là cách tính tuổi và các phẩm trật trong đạo Phật. Có hai loại tuổi được đề cập đến, đó là **tuổi đời** và **tuổi đạo**.

+ **Tuổi đời** là tuổi tính theo đời, kể từ năm sinh ra.

+ **Tuổi đạo** là tuổi thường được nhiều người tính từ ngày xuất gia tu đạo. Nhưng đúng ra, tuổi đạo phải được tính từ năm thụ *cụ túc giới* (giới tỳ kheo và tỳ kheo ni) đồng thời, hàng năm phải tụng hạ tu học theo chúng và đạt tiêu chuẩn, mỗi năm như vậy được tính một tuổi *hạ*. Nghĩa là tuổi đạo còn được gọi là tuổi *hạ* (hay *hạ lạp*).

Một người tuổi đời dưới 20 phát tâm xuất gia, hay do gia đình đem gửi gắm vào cửa chùa, thường được gọi là *chú tiểu*, hay *điệu*. Đó là các vị đồng chân nhập đạo. Tùy theo số tuổi, vị này được giao việc làm trong chùa và học tập kinh kệ, nghi lễ. Thời gian sau, vị này được thụ 10 giới, gọi là *Sa di* (đối với nam) hay *Sa di ni* (đối với nữ). Đến năm được ít nhất là 20 tuổi đời và chúng tỏ khả năng tu học, đủ điều kiện về tu tập, vị này được thụ giới cụ túc, tức là 250 giới tỳ kheo (nam) hay 348 giới tỳ kheo ni (nữ) và được gọi là Đại đức (nam) hay Sư cô (nữ). Trên giấy tờ thì ghi là Tỳ kheo (nam) hay Tỳ kheo Ni (nữ) trước pháp danh của vị xuất gia.

Giới cụ túc (Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni) là giới đầy đủ, viên mãn, cao nhất trong đạo Phật để từng vị xuất gia tu tập cho đến lúc mãn đời, không phải thụ giới nào cao hơn. Việc thụ Bồ tát giới (tại gia hay xuất gia) là do sự phát tâm riêng của từng vị theo Phật giáo Bắc tông (Phật giáo Nam tông không có giới này). Nhìn chung sự sinh hoạt của Phật giáo cần phải thiết lập tôn ti trật tự (cấp bậc) có danh xưng theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam như sau:

- + Năm 20 tuổi đời, vị xuất gia thụ giới tỳ kheo được gọi là Đại đức
- + Năm 45 tuổi đời, vị tỳ kheo được 25 tuổi đạo, được gọi là Thượng tọa

+ Năm 60 tuổi đời, vị tỳ kheo được 40 tuổi đạo, được gọi là Hòa thượng.
Đối với bên nữ (ni bộ):

- + Năm 20 tuổi đời, vị nữ xuất gia thụ giới tỳ kheo ni được gọi là Sư cô;
- + Năm 45 tuổi đời, vị tỳ kheo ni được 25 tuổi đạo, được gọi là Ni sư;
- + Năm 60 tuổi đời, vị tỳ kheo ni được 40 tuổi đạo, được gọi là Ni trưởng.

Đó là các danh xưng chính thức theo tuổi đời và tuổi đạo, được dùng trong việc điều hành Phật sự, trong hệ thống tổ chức của Giáo hội, không được lạm dụng tự xưng, tự phong, tự thăng cấp, mà phải được xét duyệt và chấp thuận bởi một hội đồng giáo phẩm có thẩm quyền, và được cấp giáo chỉ tấn phong, nhân dịp Đại lễ hay Đại hội Phật giáo, trong các giới đàn, hay trong mùa an cư kết hạ hằng năm.

Đối với các bậc Hòa thượng mang trọng trách điều hành các cơ sở Giáo hội Phật giáo trung ương cũng như địa phương, hay các Đại tòng lâm, Phật học viện, Tu viện, thường là các vị trên 80 tuổi đời, được tôn xưng là Đại lão Hòa thượng hay Trưởng lão Hòa thượng. Điều này không thấy áp dụng đối với hàng giáo phẩm Ni. Các vị thuộc hàng giáo phẩm này thường được cung thỉnh vào các Hội đồng Trưởng lão, hoặc Hội đồng Chứng minh tối cao của các cấp Giáo hội. Tuy nhiên, khi ký các thông bạch, văn thư chính thức, chư tôn đức đôi khi vẫn xưng đơn giản là Tỳ kheo, hay Sa môn để biểu hiện sự khiêm nhường theo đúng tinh thần Phật giáo.

Giữa các vị xuất gia, thường xưng con hay xưng pháp danh, pháp hiệu và gọi vị kia là thầy hoặc gọi cấp bậc hay chức vụ vị đó đảm trách theo nguyên tắc bên ni trọng bên tăng. Tuy nhiên những vị tăng trẻ tuổi vẫn tôn xưng các vị ni lớn tuổi mà xưng con gọi thầy hay phẩm trật với các vị ni. Bên tăng cũng như bên ni, đều gọi sư phụ bằng thầy hay sư phụ, Tôn sư, Ân sư. Các vị xuất gia cùng tông môn, cùng sư phụ, thường gọi nhau là sư huynh, sư đệ, sư tử, sư muội, và gọi các vị ngang vai vế với sư phụ là sư thúc, sư bá. Trong đạo Phật có các danh xưng đạo hữu (bạn cùng theo đạo), pháp hữu (bạn cùng tu theo giáo pháp). Các danh xưng tín hữu (bạn cùng tín ngưỡng, cùng đức tin), tâm hữu (bạn cùng tâm, đồng lòng) không thấy được dùng trong đạo Phật.

Khi tiếp xúc với chư tăng ni, quý vị cư sĩ phật tử tại gia (kể cả thân quyến của chư tăng ni) thường đơn giản gọi bằng thầy hay cô nếu như không biết rõ hay không muốn gọi phẩm trật của vị tăng ni và thường xưng là con. Trong tinh thần Phật pháp, người thụ ít giới tôn kính người thụ nhiều giới hơn chứ không phải tính tuổi tác người con theo nghĩa thế gian để tỏ lòng khiêm cung, kính Phật, trọng tăng, cố gắng tu tập. Có những vị cao tuổi xưng tôi hay chúng tôi với vị tăng ni trẻ để tránh ngại ngùng cho cả hai bên. Khi qui y Tam bảo, thụ ngũ giới (tam quy, ngũ giới), mỗi vị cư sĩ phật tử tại gia có một vị thầy truyền giới cho mình. Vị ấy được gọi là thầy Bản sư. Cả gia đình có thể cùng chung một vị thầy Bản sư, tất cả các thế hệ cùng gọi vị ấy bằng thầy.

Theo giáo phái khất sĩ, nam tu sĩ được gọi chung là Sư và nữ tu sĩ được gọi chung là Ni. Còn hệ phái Phật giáo Nam tông chỉ có tăng, không có ni nên danh xưng chung đối với các vị Nam tông là sư. Một điều chú ý là đối với Phật giáo Nam tông, thường không dùng danh xưng thầy để gọi các nhà sư. Việc xưng hô không đúng phẩm vị của tăng ni, xưng hô khác biệt trước mặt và sau lưng, tất cả đều nên tránh bởi vì không ích lợi cho việc tu tâm, dưỡng tính.

Khi tiếp xúc với cư sĩ, Phật tử tại gia, kể cả người thân trong gia quyến, chư tăng ni thường xưng là tôi hay chúng tôi (hay xưng pháp danh, pháp hiệu, hoặc bản tăng, bản ni), cũng có khi chư tăng ni xưng là thầy, hay cô và gọi quý vị là đạo hữu, hay quý đạo hữu. Cũng có khi chư tăng ni gọi quý vị tại gia bằng pháp danh, có kèm theo hoặc không kèm theo tiếng xưng hô của thế gian. Cũng có khi chư tăng ni, tùy theo tuổi tác của Phật tử xuất gia, mà gọi theo cách gọi của thế gian và xưng là *nhà chùa*. Đây là một cách nói gần gũi thường được sử dụng trong các sinh hoạt, giao tiếp hàng ngày chứ không phải trong các nghi thức hay các văn bản có tính chất hành chính. Cũng có khi chư tăng ni gọi quý vị tại gia là *quý Phật tử*, từ này không sai, nhưng chưa thật chính xác bởi vì xuất gia hay tại gia đều cùng là Phật tử, chứ không riêng tại gia là Phật tử mà thôi. Việc một Phật tử xuất gia ít tuổi gọi một Phật tử tại gia nhiều tuổi bằng con và xưng thầy thực là không phù hợp. Không nên gọi như vậy để tránh sự tôn đởc và không nên bất bình khi nghe như vậy để tránh bị loạn tâm. Theo truyền thống phương Đông tuổi tác rất được kính trọng trong xã hội, dù tại gia hay xuất gia.

Trong các trường hợp tiếp xúc riêng, tùy thuận theo đời, không có tính cách chính thức, không có tính cách thuyết giảng, chư tăng ni có thể gọi các vị cư sĩ Phật tử tại gia, kể cả người thân trong gia quyến, một cách trân trọng, tùy theo tuổi tác, quan hệ, như cách xưng hô xã giao người đời thường dùng hàng ngày. Danh xưng cư sĩ thường dùng cho Phật tử tại gia, đã quy y Tam bảo, thụ ngũ giới. Những vị cư sĩ phát tâm tu tập và góp phần hoằng pháp còn được gọi là Ưu bà tắc (thiện nam, cận sự nam) hay Ưu bà di (tín nữ, cận sự nữ).

Trong cách gọi dân gian, Phật giáo cũng sử dụng các danh xưng như: sư chú, sư bác, sư ông, sư bà hay sư cụ. Điều này cũng có sự phân biệt nhất định. Sư chú dành để chỉ những người xuất gia ở chùa nhưng chưa được thụ giới; sư bác chỉ những người đã được thụ giới Sa di hay Sa di Ni; sư ông, sư bà để chỉ những người đã được thụ giới tử kheo và tử kheo Ni. Ngoài ra, đối với các vị bán thế xuất gia, nghĩa là đã lập gia đình trước khi vào đạo, vẫn phải trải qua các thời gian tu tập và thụ giới như trên, cho nên cách xưng hô cũng không khác. Tuy nhiên để tránh việc gọi một người đứng tuổi xuất gia là chú tiểu, giống như gọi các vị trẻ tuổi, có nơi gọi các vị bán thế xuất gia này là sư chú, hay sư bác. Bên cạnh đó, các xưng hô trong đạo như sư ông, sư bà,

sư cụ cũng thường được dành để gọi vị sư phụ của sư phụ mình, hoặc gọi chư tôn đức có hạ lạc cao, thu nhận nhiều thế hệ đệ tử tại gia và xuất gia. Một danh xưng nữa là pháp sư thường dành cho các vị xuất gia tăng hay ni có khả năng và hạnh nguyện thuyết pháp độ sanh. Ngoại đạo thường hay lạm dụng danh xưng này để chỉ các ông bà thầy pháp, thầy cúng.

Danh xưng sư Tổ được dành cho chư tôn đức lãnh đạo các tông phái còn tại thế, danh xưng Tổ sư được dành cho chư tôn đức đã viên tịch, được hậu thế truy phong vì có công lao trọng đại đối với nền đạo. Đối với các bậc cao tăng thường trụ ở một tự viện, người trong đạo thường dùng tên của ngôi già lam đó để gọi quý ngài, tránh gọi bằng pháp danh hay pháp hiệu để tỏ lòng tôn trọng, kính ngưỡng.

5.2.7. Về trang phục

Y phục của các tăng, ni theo đạo Phật có nhiều tên gọi như: pháp phục, pháp y, hoại nạp phục, hoại sắc phục, ứng pháp diệu phục, liên hoa phục, giải thoát phục, giải thoát tràng tướng phục, xuất thế phục, ly trần phục, vô cấu phục, cà sa...

Y phục của Phật giáo Việt Nam nói chung và dòng Lâm tế hiện nay gồm: y phục thường nhật và y phục nghi lễ.

+ Y phục thường nhật chia làm 2 loại: thường phục trong chùa và thường phục tiếp khách. Theo truyền thống, y phục mặc trong chùa là áo màu vàng, màu nâu, màu lam và quần dài. Người mới xuất gia (*hay còn gọi là sadi, chú tiểu*) thì thường mặc màu lam. Khi tiếp khách hoặc ra ngoài thì áo dài màu nâu dành cho chư tăng, áo dài màu lam dành cho chư ni. Việc mặc áo màu vàng hay màu nâu không thể hiện chức danh cao hay thấp, không thể hiện nhà sư đó cao quý hay thấp hèn. Màu áo vàng mặc thường nhật mới xuất hiện vài năm gần đây. Áo thường nhật và áo nghi lễ hình thức khác nhau, lớn nhất ở ống tay áo. Ống tay áo thường nhật nhỏ, còn ống tay áo nghi lễ rộng hơn.

+ Y phục nghi lễ hay còn gọi là lễ phục, là những loại áo mặc khi thực hiện các nghi lễ Phật giáo. Loại lễ phục này được các tăng ni Phật giáo Bắc tông gìn giữ đến ngày nay. Đặc biệt, trong lễ phục của Phật giáo Bắc tông còn có áo hậu, đối với chư tăng mặc áo màu vàng, chư ni áo màu lam.

Ngoài y phục thường nhật và lễ phục người tu hành còn có thêm áo cà sa màu nâu hoặc màu vàng tùy theo cấp bậc. Áo cà sa là một mảnh vải gàn như hình vuông, do nhiều miếng vải nhỏ ghép lại theo quy cách nhất định.

Theo truyền thuyết trong đạo Phật, chiếc áo cà sa được hình thành từ những miếng vải của nhân dân tứ phương góp lại cho người tu hành. Khi có nhiều mảnh vải rồi, các nhà sư cung thỉnh xin đức Phật cho biết nên may áo theo kiểu cách nào. Nhân đi qua một cánh đồng, đức Phật liền chỉ tay và truyền may theo hình các thửa ruộng.

Chính vì lẽ đó mà tấm áo cà sa còn có tên là pháp phúc điền, ý cầu mong lúa gạo nhiều, chúng sinh no ấm.

5.2.8. Các bài kinh tụng niệm:

- + Bát nhã ba la mật đa tâm kinh
- + Kinh A di đà (*sa. amitābha*)
- + Kinh Kim Cang
- + Kinh Diệu pháp liên hoa (*sa. saddharmapuṇḍarīka*)
- + Kinh sám hối
- + Vu lan bồn kinh
- + Kinh hoa nghiêm
- + Thọ sinh kinh
- + Hồng danh bảo sám kinh
- + Nhập Lăng-già kinh (*sa. laṅkāvatāra*)
- + Phổ diệu kinh (*hay Thần thông du hí, sa. lalitavistara*)
- + Chính định vương kinh (*sa. samādhirāja*)
- + Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm (*sa. sukhāvati-vyūha*)
- + Hiền kiếp kinh (*sa. bhadrakalpika*)
- + Phạm võng kinh (*sa. brahmajāla*)
- + Đại phương quảng Phật hoa nghiêm kinh (*sa. buddhāvataṃsaka*)
- + Thắng Man kinh (*sa. śrīmālādevī*)
- + Quán vô lượng thọ kinh (*sa. amitāyurdhyāna*)
- + Duy-ma-cật sở thuyết (*sa. vimalakīrti-nirdeśa*)
- + Thủ-lăng-nghiêm-tam-muội kinh (*sa. sūraṅgama*)

5.2.9. Cách thức tu tập, lịch sinh hoạt hàng ngày của Đại đức và chư tăng

Lúc đầu mới thành lập, việc sinh hoạt của các Tăng ni còn đơn giản. Lúc này các chư tăng không mở trường dạy học như bây giờ mà chủ yếu thầy trò truyền dạy cho nhau, thực tập thiền định và tu tập. Sự sinh hoạt của các chùa trong tông môn được thể hiện rõ nét nhất là qua các giới đàn truyền giới. Thông qua các giới đàn đã đào tạo nhiều thế hệ môn đồ kế thừa sự nghiệp của môn phái. Ngày nay, vào những ngày lễ lớn, đặc biệt là 3 tháng An cư kiết hạ, các môn đồ của môn phái tụ hội về tổ đình Chúc Thánh để tu tập.

Bên cạnh đó, tại tổ đình Chúc Thánh còn đặt ra những quy định cụ thể cho việc tu tập của các Tăng ni.

Thời gian	Công tác	Hiệu lệnh
3h15	Báo thức	3 hồi 4 tiếng chuông
3h30	Tọa thiền	3 tiếng chuông

3h45	Xả thiên – Công phu khuya	3 tiếng khánh
5h00	Chấp tác	3 tiếng keng
6h00	Điểm tâm	3 tiếng bãng
7h00	Thỉnh chuông u minh	3 tiếng chuông
7h30	Tụng kinh	3 tiếng chuông
10h15	Cúng nọ	6 tiếng mõ cá
10h30	Quá đường	3 tiếng khánh
12h00	Chỉ tịnh	1 hồi chuông
13h30	Báo thức	1 hồi 4 tiếng chuông
14h00	Thỉnh chuông u minh	3 tiếng chuông
14h15	Học tập	1 hồi 3 tiếng chuông
16h00	Công phu chiều	3 tiếng chuông
17h00	Tiểu thực	3 tiếng keng
18h30	Thỉnh chuông u minh	3 tiếng chuông
19h00	Tụng kinh	3 tiếng chuông
20h30	Tọa thiền	3 tiếng chuông
21h00	Xả thiên – Chỉ tịnh	1 hồi chuông

Hay tại chùa Viên Giác cũng đặt ra những quy định đối với Tăng ni và Phật tử trong quá trình thiền định và tu tập, cụ thể như:

- Về thời khóa tu tập:

Thời gian	Hoạt động
7h	Giới tử vân tập
8h00	Tụng kinh và Niệm Phật
9h15	Giải lao
9h30	Niệm Phật
10h30	Cúng Nọ
11h00	Quá đường
12h00	Chỉ tịnh
13h30	Thức chúng
13h45	Tĩnh tọa
14h00	Thuyết giảng
15h15	Giải lao
15h30	Niệm Phật

16h30	Hoàn mẫn
-------	----------

- Về hiệu lệnh báo chúng:

Tụng niệm	3 tiếng kiếng
Nghe giảng	1 hồi 3 tiếng kiếng
Cúng Ngọ	6 tiếng bản
Quá đường	3 tiếng bản
Chỉ tịnh	1 hồi kiếng
Thức chúng	3 hồi 4 tiếng kiếng

- Về sinh hoạt và các hoạt động của Đại Đức và chư tăng:

+ Hiệu lệnh báo chúng:

Đánh thức	3 hồi 4 tiếng kiếng
Tụng niệm	3 tiếng kiếng
Chấp tốc	3 tiếng kiếng
Điểm tâm	3 tiếng bản
Học tập	1 hồi 3 tiếng kiếng
Cúng Ngọ	6 tiếng bản
Ngọ trai	3 tiếng bản
Chỉ tịnh	1 hồi kiếng

+ Thời khóa sinh hoạt:

3h30	Thức chúng
3h45	Thỉnh chuông
4h00	Công phu khuya
5h00	Chấp tốc
6h00	Điểm tâm
8h00	Lao động
10h30	Cúng ngọ
11h00	Ngọ trai
12h00	Chỉ tịnh
13h30	Thức chúng
14h00	Tụng kinh

16h00	Công phu chiều
17h00	Tiểu thực
18h30	Thỉnh chuông
19h00	Tịnh độ
22h00	Chỉ tịnh

5.2.10. Hệ thống Phật tử tu tại gia

Bên cạnh các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng dân gian, Phật giáo Hội An ảnh hưởng sâu đậm và lan tỏa đến đời sống của một bộ phận cư dân, số lượng Phật tử tại Hội An chiếm số lượng khá lớn (*gia đình Phật tử*). Họ được tập hợp trong một đoàn thể có sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Hội An, hàng ngày họ dành một khoảng thời gian tụng kinh niệm Phật tại nhà, đến các dịp lễ lớn của đạo Phật thì tập trung tại các chùa nơi mình tham gia để sinh hoạt. Theo thống kê của Phòng Nội vụ trên địa bàn thành phố năm 2013 có 13 gia đình Phật tử, 94 Huynh trưởng (06 cấp Tấn, 38 cấp Tín, 50 cấp Tập), đoàn sinh có 644 người và 01 giám tự (tại chùa Viên Giác).

- **Về bậc học:** Gia Đình Phật Tử chia Đoàn Sinh thành 3 độ tuổi khác nhau (Nam, Nữ sinh hoạt riêng biệt làm 2 nhóm khác nhau): Ngành Đồng (Oanh Vũ), ngành Thiếu và ngành Thanh.

+ Ngành Đồng chia làm 4 bậc học: Mở Mắt, Cánh Mềm, Chân Cứng và Tung Bay.

+ Ngành Thiếu chia làm 4 bậc học:

Hương Thiện, Sơ Thiện, Trung Thiện và Chánh Thiện.

+ Ngành Thanh chia làm 2 bậc học: Hoà - Trục.

Ngoài ra, khi Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử phát nguyện làm Huynh Trưởng sẽ tham gia các khoá tu học dài hạn dành cho Huynh Trưởng (lần lượt là: Kiên, Trì, Định, Lực) và trải qua các trại Huấn luyện kết khóa tương đương (lần lượt là: Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang, Vạn Hạnh).

- **Nội dung tu học và đào luyện:** Gia Đình Phật Tử có 4 bộ môn tu học là: Phật Pháp (đây là bộ môn chính của Gia Đình Phật Tử), Hoạt Động Thanh Niên, Hoạt Động Xã Hội, Văn Nghệ.

- **Phật Pháp:** Chia ra các bậc học theo từng độ tuổi:

+ Đối với độ tuổi Oanh Vũ (từ 7 đến 12 tuổi) có các bậc: Mở Mắt, Cánh Mềm, Chân Cứng, Tung Bay.

+ Đối với độ tuổi ngành Thiếu (từ 13 đến 17 tuổi) có các bậc học: Hương Thiện, Sơ Thiện, Trung Thiện, Chánh Thiện.

+ Đối với độ tuổi ngành Thanh (từ 18 tuổi trở lên) có các bậc: Hoà, Trục.

+ Đối với Huynh trưởng thì có các bậc tu học trường kỳ: Kiên, Trì, Định, Lực.

- **Hoạt Động Thanh Niên:** Môn dạy những kỹ năng giúp cho Đoàn Sinh có thể thích nghi với mọi điều kiện sống như: băng rừng, qua sông, leo núi... đồng thời kết hợp với những kỹ năng trong đời sống hằng ngày. Hoạt động thanh niên chỉ là bộ môn hỗ trợ trong quá trình tu học Phật pháp của Gia Đình Phật Tử. Chuyên môn của bộ môn này gồm các kỹ năng như: Truyền tin, Mật thư, Gút, Lều trại, hương hương, Ước đạc, Cứu thương, Các kỹ năng mưu sinh thoát hiểm.

- **Hoạt Động Xã Hội:** Bao gồm các công tác liên quan đến xã hội như: Cứu trợ, thăm viếng hỗ trợ, tham gia các hoạt động cộng đồng...

5.3. Các thiền sư tiêu biểu trong sự nghiệp truyền thừa

Với 300 năm truyền thừa và phát triển, trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, tại Hội An, Quảng Nam đều có các vị Thiền sư đóng vai trò chủ đạo của tông môn. Các vị Thiền sư tiêu biểu trong sự nghiệp truyền thừa qua các thời kỳ như sau:

- **Thiền sư Ân Triêm (1712-1796):** Thiền sư họ Lê, sinh năm Nhâm Thìn (1712) tại xã Bến Đền, phủ Điện Bàn, dinh Quảng Nam. Năm lên 10 tuổi, Thiền sư xuất gia với Tổ Minh Hải tại chùa Chúc Thánh, được Tổ ban cho pháp danh Thiệt Dinh, tự Chánh Hiển, hiệu Ân Triêm, nói pháp đời 35 dòng Lâm Tế Chúc Thánh. Sau khi Tổ Minh Hải viên tịch, Thiền sư đến ấp Trảng Kèo, xã Thanh Hà, phủ Điện Bàn (nay là phường Thanh Hà-Hội An) lập thảo am lấy tên là Phước Lâm để tịnh tu đạo nghiệp dần dần xây dựng chùa Phước Lâm trở thành ngôi chùa có quy mô như ngày nay.

Gần 50 năm khai sáng và hành đạo tại Phước Lâm, vào ngày mùng 10 tháng 11 năm Bính Thìn (1796), Thiền sư qua đời, hưởng thọ 85 tuổi. Hàng đệ tử lập tháp tại phía Tây Nam trong khuôn viên chùa Phước Lâm để thờ linh cốt Thiền sư.

Hơn 60 năm hoàng dương đạo Pháp, Hòa thượng Ân Triêm đã kế thừa sự nghiệp của Tổ Minh Hải đào tạo được nhiều đệ tử như Pháp Ấn-Tường Quang-Quảng Độ, Pháp Liêm-Luật Oai-Minh Giác...

- **Thiền sư Minh Lượng (1626 – 1709):** Thiền sư Minh Lượng sinh năm Bính Dần (1626) tại huyện Triều Dương, phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Từ nhỏ, thiền sư xuất gia theo học Hòa thượng Nguyên Thiệu và đắc đạo với pháp danh Minh Lượng, tự Nguyệt Ân, hiệu Thành Đăng, nói pháp đời 34 dòng Lâm Tế Chúc Thánh.

Vào nửa cuối thế kỷ XVII, thiền sư sang Việt Nam tham dự giới đàn tại chùa Thiền Lâm – Thuận Hóa. Sau đó, thiền sư vào cư ngụ tại Hội An, được một Phật tử hiến cúng khu đất tại thôn Đồng Nà, xã Thanh Hà, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (nay là xã Cẩm Hà, thành phố Hội An) nên thiền sư lập một thảo am nhỏ để tu hành, và dần dần xây dựng thành một ngôi chùa có quy mô lớn lấy tên là Lang Thọ tự, chùa cây Cau sau đổi tên thành chùa Vạn Đức. Tại đây, thiền sư chuyên tâm thiền định, giảng giải Phật pháp cho các môn đồ, thiền sư đã đào tạo nhiều đệ tử có công hiến cho

Phật giáo Quảng Nam như Phật Tuyết – Tường Quang, Phật Hiền – Hoa Nghiêm, Phật Tường – Đức Liên... Trong quá trình giảng giải Phật pháp và truyền đạo, thiền sư Minh Lượng truyền pháp theo bài kệ của Hòa thượng Đạo Môn:

*Đạo Bốn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên
Minh Như Hồng Nhật Lệ Trung Thiên
Linh Nguyên Quảng Thuận Từ Phong Phổ
Chiếu Thế Chơn Đăng Vạn Cổ Truyền*

Sau một thời gian giảng giải Phật pháp tại Hội An, thiền sư bàn giao chùa cho đệ tử là Phật Tuyết – Tường Quang trụ trì, còn thiền sư tiếp tục vào Nam truyền đạo. Thiền sư Minh Lượng mất năm Kỷ Sửu, 1709, hưởng thọ 83 tuổi.

- **Thiền sư Phổ Thoại (1875 - 1954):** Thiền sư Phổ Thoại sinh năm Ất Hợi, 1875 tại xã Cẩm Kim, thị xã Hội An, nay là thành phố Hội An. Thiền sư lúc nhỏ có tên là Nguyễn Văn Thọ, có tư chất thông minh, tính tình cương trực nhưng khiêm nhượng nên mọi người rất yêu mến. Năm Đinh Hợi (1887). Khi vừa tròn 12 tuổi, Thiền sư xuất gia theo học Hòa thượng Chương Đạo tại chùa Chúc Thánh với pháp danh Ấn Nghiêm, tự Tổ Thân. Đến năm 1895 lúc tròn 20 tuổi, Thiền sư được Hòa thượng Vĩnh Gia thọ giới với pháp hiệu là Phổ Thoại.

Vào năm Kỷ Dậu (1909), được một Phật tử hiến cúng khu đất tại ấp Hậu Xá, xã Thanh Hà, Thiền sư xin phép Hòa thượng Vĩnh Gia ra lập một thảo am nhỏ lấy tên là Long Tuyên để tiện việc tu niệm, sau đó xây dựng Long Tuyên thành một ngôi chùa có quy mô lớn và được triều đình nhà Nguyễn ban sắc tứ vào năm Quý Dậu (1933). Như vậy, Thiền sư Phổ Thoại là người khai sơn chùa Long Tuyên và nổi pháp đời 39 dòng Lâm Tế Chúc Thánh.

Trong quá trình tu đạo và giảng giải Phật pháp, Thiền sư Phổ Thoại đề ra những nguyên tắc và giới luật riêng cho các môn đồ, Thiền sư đã đào tạo được nhiều vị đệ tử có những cống hiến cho Phật giáo Quảng Nam hiện đại như Chơn Phát Long Tôn, Chơn Giác Long Hải... Trong những năm bị thực dân Pháp chiếm đóng và tàn phá ở Hội An, Thiền sư đi từng nhà an ủi và tìm cách giúp đỡ nhân dân xây dựng lại cuộc sống. Thiền sư thường dạy đệ tử: “*Nước nhà mất thì đạo cũng không còn, nên cần phải có ý thức trách nhiệm đối với quốc gia*”.

Vào ngày mùng 9 tháng 4 năm Giáp Ngọ, 1954, Thiền sư viên tịch, thọ 80 tuổi. Di hài của Thiền sư được các tăng ni, môn đồ an trí trong bảo tháp tại phía Tây Nam chùa. Tiến sĩ Hồ Mộng Hàn ca ngợi cảnh trí nguy nga của ngôi chùa Long Tuyên và công đức tu hành của Thiền sư như sau:

*Long Tuyên nguy nga
Mặt trời chói lòa
Vườn kỳ xanh tốt*

*Bãi cát sông Hằng
Thếp tượng đức chuông
Chế biển dựng tháp
Truyền đèn giác ngộ
Nối gót hoa tiên
Đến đây quy y
Thiền sư Ấn Nghiêm
Chúng sanh độ hết
Bia ghi lâu dài*

5.4. Nguy cơ hoặc nguyên nhân mai một

Hiện nay có hơn 10 ngôi chùa (*có danh mục kèm theo*) thuộc Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ở Hội An, chịu sự quản lý và điều hành của Giáo hội Phật giáo Hội An, các ngôi chùa thuộc Thiền phái này hiện đang tồn tại và được gìn giữ, phát huy. Đây là những trung tâm sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của các Hòa thượng, Đại đức, môn đồ và cộng đồng cư dân theo đạo Phật. Vì vậy, khả năng mai một đối với loại hình này là không cao (*nói cách khác là không xảy ra*).

6. Những đóng góp của Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh hội An

a. Đối với Đạo pháp

Với hơn 300 năm hình thành và phát triển, các môn đồ thuộc Thiền phái này tích cực tu tập, mở các giáo đàn để truyền và giảng đạo. Các Thiền sư đã đào tạo những thế hệ kế tục xứng đáng làm cho Phật giáo Hội An, Quảng Nam khởi sắc, ổn định và phát triển song hành cùng với Phật giáo các tỉnh trong nước.

b. Đối với Dân tộc

Với tôn chỉ “*Hộ quốc an dân*” các môn đồ Lâm Tế Chúc Thánh đóng góp rất lớn cho dân tộc qua mọi triều đại cũng như các chế độ. Trong giai đoạn Đàng Ngoài-Đàng Trong, trong khi các Thiền sư dòng Tào Động đóng vai trò cố vấn chính trị cho chúa Nguyễn, các Thiền sư dòng Chúc Thánh đã tạo được sự đoàn kết trong mọi tầng lớp dân chúng, góp phần ổn định nhân tâm nên các chúa Nguyễn rất mến mộ. Trong giai đoạn Pháp thuộc, các Thiền sư cũng đã tham gia phong trào Duy Tân, che chở cho các nhà chí sĩ cách mạng nhằm giành lại nền tự chủ của nước nhà. Đến thời cận đại, các Hòa thượng cũng đã tham gia tích cực vào các phong trào đấu tranh đòi độc lập, hòa giải dân tộc để mưu cầu hòa bình thống nhất cho đất nước.

Ngày nay, các chùa thuộc Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh trở địa điểm sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của các chư tăng, môn đồ và người theo đạo Phật. Hơn nữa, các tăng đồ góp phần to lớn trong việc chống lại các thế lực lợi dụng tôn giáo âm mưu “*diễn biến hòa bình*”; lôi kéo, lợi dụng quần chúng, tăng ni kích động chống phá nhà nước ta.

c. Đối với Văn hóa

Về văn hóa vật thể: kể từ ngày khai sơn chùa Chúc Thánh tại Hội An, Quảng Nam đã đưa đến số lượng các chùa ngày một phát triển. Các chùa như Phước Lâm, Viên Giác, Vạn Đức, v.v... lần lượt ra đời và trở thành những ngôi chùa Tổ. Kiến trúc các ngôi chùa Tổ đã phần nào nói lên được nét văn hóa riêng biệt của người dân xứ Quảng. Các pho tượng cổ, các quả chuông xưa, những mộc bản gỗ khắc kinh văn v.v... là những di tích minh chứng cho tâm đạo và sự tài hoa của các nghệ nhân xưa. Chính quần thể kiến trúc các chùa xưa cũng là một trong những yếu tố quan trọng thu hút nhiều khách nước ngoài đến tham quan chiêm ngưỡng và nghiên cứu tại Hội An.

Về mặt văn hóa phi vật thể: các môn đồ Lâm Tế Chúc Thánh đóng vai trò rất lớn trong đời sống tinh thần tại đất Quảng. Tại Hội An, hàng năm thường tổ chức các ngày lễ lớn như Lễ Phật đản (15/4), lễ Vu lan (15/7)... hay tổ chức các nghi lễ cúng các vị tổ sư khai sơn các chùa, các vị thiền sư có công xây dựng và tu bổ các ngôi chùa. Bên cạnh đó, vào mỗi đêm 14 và 30 hàng tháng, bên cạnh các chùa, tín đồ theo Phật và nhân dân đặt bàn hương án cúng ngoài trời. Vào những ngày rằm và mồng một, một bộ phận dân chúng ăn chay theo tinh thần Phật giáo.

7. Biện pháp bảo vệ

- Thiên phái Lâm Tế Chúc Thánh đang tồn tại và được phát huy có hiệu quả. Một số ngôi chùa thuộc Thiên phái này trở thành di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia theo Quyết định số 506-VH-QĐ ngày 19/3/1985 của Bộ Văn hoá công nhận di tích lịch sử - văn hóa cho chùa Viên Giác, Vạn Đức, Chúc Thánh, Phước Lâm ngày 29/11/1991.

- Quyết định số 96/2006/QĐ-BVHTT ngày 13/12/2006 của Bộ Văn hoá công nhận chùa Hải Tạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

- Một số ngôi chùa khác được đưa vào danh mục bảo vệ của Thành phố theo Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 27/7/2010 của UBND thành phố Hội An như chùa Pháp Bảo, Long Tuyền...

- Nhiều ngôi chùa được các cấp chính quyền và bản thân chùa tu bổ, tôn tạo khi có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng.

- Một số hiện vật, tư liệu trong các chùa được Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An xử lý và bảo quản như mộc bản chùa Phước Lâm, chùa Vạn Đức, rập các văn bia tại các chùa Viên Giác, Long Tuyền, Chúc Thánh, Phước Lâm... để dịch và lưu trữ.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
2. Kỷ yếu Lễ khánh thành Tổ đình Chúc Thánh năm 2009.
3. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận, tập II*, Nxb Văn Học Hà Nội.
4. Thích Giải Nghiêm (2005), *Tìm hiểu sự hình thành và phát triển của Thiên phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam Đà Nẵng*, Luận văn tốt nghiệp Cử nhân Phật học khóa V (2001-2005), Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Chơn Phát (1998), *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam* (giáo trình lưu hành nội bộ).
6. Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb Tôn giáo.
8. Thích Hạnh Thiện (2001), *Thiền sư Minh Hải và Tổ đình Chúc Thánh*, Luận văn tốt nghiệp Cử nhân Phật học khóa I (1997- 2001), Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.
9. Thích Như Tịnh (2007), *Biểu đồ truyền thừa Thiên Phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Lưu hành nội bộ, Nxb Phương Đông.
10. Thích Như Tịnh (2008), *Hành trạng chư Thiền đức xứ Quảng*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
11. Thích Như Tịnh (2009), *Lịch sử truyền thừa Thiên Phái Lâm Tế Chúc Thánh*, Nxb Phương Đông.
12. Thích Minh Tuệ (1993), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Thành hội Phật giáo TP Hồ Chí Minh.
13. Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, *Lý lịch di tích chùa Chúc Thánh*.
14. Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, *Lý lịch di tích chùa Vạn Đức*.
15. Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, *Lý lịch di tích chùa Phước Lâm*.
16. Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, *Lý lịch di tích chùa Viên Giác*.

Hội An, ngày 25 tháng 3 năm 2014

PHÒNG QUẢN LÝ DI TÍCH

Người lập lý lịch

(Đã ký)

Phạm Phước Tịnh

PHỤ LỤC

1. Danh mục các chùa thuộc thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam

TT	Tên	Địa chỉ	Ghi chú
1	Chùa Chúc Thánh	Tân An – Hội An	Di tích cấp quốc gia
2	Chùa Vạn Đức	Cẩm Hà – Hội An	nt
3	Chùa Phước Lâm	Cẩm Hà – Hội An	nt
4	Chùa Viên Giác	Cẩm Phô – Hội An	nt
5	Chùa Hải Tạng	Tân Hiệp – Hội An	nt
6	Chùa Long Tuyền	Thanh Hà – Hội An	Di tích cấp thành phố
7	Chùa Minh Giác	Thanh Hà – Hội An	nt
8	Chùa Bảo Thắng	Sơn Phong – Hội An	nt
9	Chùa Pháp Bảo	Minh An – Hội An	nt
10	Chùa Long Thọ	Minh An – Hội An	nt
11	Chùa Kim Bửu	Cẩm Kim – Hội An	Di tích cấp tỉnh
12	Thiền tự Bảo Châu	Cẩm Châu – Hội An	
13	Chùa Nghĩa Trùng	Vĩnh Điện – Điện Bàn	
14	Chùa Giác Quang	Vĩnh Điện – Điện Bàn	
15	Chùa Pháp Hoa	Vĩnh Điện – Điện Bàn	
16	Chùa Vĩnh Gia	Điện An – Điện Bàn	
17	Chùa Phước Lan	Điện Minh – Điện Bàn	
18	Chùa Phước Long	Điện Tiến – Điện Bàn	
19	Chùa Phổ Minh	Điện Dương – Điện Bàn	
20	Tịnh Thất Hà An	Điện Phong – Điện Bàn	

21	Chùa Ân Triêm	Nam Phước – Duy Xuyên	
22	Chùa Lầu	Duy Trinh – Duy Xuyên	
23	Chùa Phổ Am	Nam Phước – Duy Xuyên	
24	Chùa Phổ Châu	Duy Châu – Duy Xuyên	
25	Chùa An Hòa	Duy Phú – Duy Xuyên	
26	Chùa Thanh Lương	Duy Hải – Duy Xuyên	
27	Chùa Hà Linh	Nam Phước – Duy Xuyên	
28	Chùa Hòa Quang	Duy Sơn – Duy Xuyên	
29	Chùa Giác Vân	Duy Thành – Duy Xuyên	
30	Chùa Cổ Lâm	Đại Đồng – Đại Lộc	
31	Chùa Giác Nguyên	Ái Nghĩa – Đại Lộc	
32	Chùa Linh Sơn	Đại Nghĩa – Đại Lộc	
33	Chùa Hồng Đức	Đại Hồng – Đại Lộc	
34	Chùa Phước Định	Đại Đồng – Đại Lộc	
35	Chùa Viên Minh	Quế Lộc – Quế Sơn	
36	Chùa Trung Sơn	Quế Phú – Quế Sơn	
37	Chùa Hòa Mỹ	Quế Xuân – Quế Sơn	
38	Chùa Cẩm Bình	Bình Tú – Thăng Bình	
39	Chùa Tôn Lương	Bình An – Thăng Bình	
40	Chùa Diệu Quang	Hòa Hương – Tam Kỳ	
41	Chùa Xuân Sơn	Tam Thái – Phú Ninh	
42	Chùa Pháp Đàn	Tam Đại – Phú Ninh	
43	Chùa Phú Sơn	Tam Mỹ – Núi Thành	

44	Chùa Minh Tân	TT Núi Thành – Núi Thành	
45	Chùa Lương Mỹ	Tam Mỹ Tây – Núi Thành	
46	Chùa Hiệp Phú	Tam Quan – Núi Thành	
47	Chùa Hòa Minh	Tam Xuân – Núi Thành	
48	Chùa Vĩnh Lộc	Tam Hiệp – Núi Thành	

(Theo Thích Như Tịnh, *Phổ hệ truyền thừa Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam – Đà Nẵng*, Lưu hành nội bộ, 2007)

2. Thánh điển Phật giáo

A/ Kinh

- Bát-nhã kinh
 - + Bát-nhã tâm kinh
 - + Bát thiên tụng bát-nhã kinh
 - + Kim Cương kinh
 - + Tiểu phẩm bát-nhã kinh
 - + Đại phẩm bát-nhã kinh
- Đại Nhật kinh
- Pháp Hoa kinh
- Hoa Nghiêm kinh
- Lăng-nghiêm kinh
- A-di-đà kinh
- Kim quang minh kinh
- Tô tất đế yết la kinh
- Thắng Man kinh
- Thập địa kinh
- Duy-ma-cật sở thuyết kinh
- Giải thâm mật kinh
- Nhập Lăng-già kinh
- Niết bàn kinh
- Lão Tử hóa hồ kinh
- Bộ kinh & A-hàm kinh
 - + Trường bộ

- + Trung bộ
- + Tăng chi bộ
- + Tiểu bộ
- + Tương ưng bộ
- + Từ kinh
- + Bản sinh kinh
- + Tứ niệm xứ kinh
- + Niết bàn kinh
- Tịnh độ Tam Kinh
 - + Phật thuyết vô lượng thọ kinh
 - + Phật thuyết A Di Đà kinh
 - + Quán vô lượng thọ kinh

B/ Luận

- A-tì-đạt-ma
- Bảo tính luận
- Bồ-đề đạo đẳng luận
- Câu-xá luận
- Du-già sư địa luận
- Duy thức nhị thập tụng
- Đại thừa khởi tín luận
- Nhập Bồ-đề hành luận
- Nhiếp đại thừa luận
- Tập Bồ Tát học luận
- Nhiếp chân thật luận
- Tập lượng luận
- Thành duy thức luận
- Trung quán luận
- Thanh tịnh đạo luận

3. Đạo tràng an cư tổ đình Chúc Thánh (2013) **BAN CHỨC SỰ**

- | | |
|---------------|-----------------------|
| 1. Chứng minh | HT. Thích Hạnh Niệm |
| | HT. Thích Hạnh Chơn |
| 2. Thiên chủ | TT. Thích Đồng Mẫn |
| 3. Hóa chủ | TT. Thích Hạnh Hoa |
| 4. Yết ma | TT. Thích Huệ Thông |
| 5. Giáo thọ | TT. Thích Đồng Nguyên |
| | TT. Thích Hạnh Nhân |
| 6. Tri sự | ĐD. Thích Hạnh Minh |

7. Tri chúng	ĐĐ. Thích Đồng An
8. Thư ký	ĐĐ. Thích Thông Độ
9. Thủ quỹ	ĐĐ. Thích Thông Đức
10. Tri khố	ĐĐ. Thích Như Khương
	ĐĐ. Thích Đồng Phương
11. Tri khách	ĐĐ. Thích Thắng Thiện
	ĐĐ. Thích Đồng Tâm
	ĐĐ. Thích Đồng Hoa
	ĐĐ. Thích Đồng Thiện
12. Hương Đăng	ĐĐ. Thích Thông Trí
	ĐĐ. Thích Thông Hưng
	ĐĐ. Thích Thiện Thảo
	ĐĐ. Thích Đồng Tâm
	SD. Thích Chúc Hạnh
	SD. Thích Như Tương
	SD. Thích Chúc Hiếu
	SD. Thích Chúc Bảo
13. Tri chung	ĐĐ. Thích Thông Đức
	ĐĐ. Thích Thông Quyền
14. Hành đường	SD. Thích Thị Sự
15. Thị giảng	SD. Thích Đức Dũng
16. Tri viên	ĐĐ. Thích Chúc Lưu
17. Tảo địa	ĐĐ. Thích Đồng Tri

**4. Chương trình sinh hoạt đầu xuân Giáp ngọ (2014)
tại tổ đình Vạn Đức**

TT	Ngày	Giờ	Nội dung
1	Mùng 1/1 Âm	00h00	Lễ vía Phật Di Lặc
			Thắp hoa dâng
			Lễ chúc tân, thù ân
		7h00	Lễ Phật cầu an
		Chúc Tết	
2		10h00	Lễ Khai kinh Dược sư
			Cúng Ngọ

	Mồng 8/1 Âl		Lễ vía Bà Ngũ hành
		11h00	Thọ trai
		19h00	Tụng kinh Dược sư (tụng 49 đêm)
3	12/1 Âl	14h00	Lễ cầu an cho các đạo hữu phường Cẩm An, An Bằng
4	13/1 Âl	14h00	Lễ cầu an cho các đạo hữu thôn Trà Quế, Đồng Nà, Bến Trề
5	14/1 Âl	14h00	Lễ cầu an cho các đạo hữu thôn Trảng Kèo, Bàu Ốc, xã Điện Dương
6	15/1 Âl	8h00	Lễ Quy y
		14h00	Lễ cầu an cho các đạo hữu các nơi còn lại
7	19/1 Âl	19h00	Tri chú Đại Bi trước tượng đài Quán Âm
8	24/1 Âl	8h00	Phóng sanh tại sông Hoài
9	01/2 Âl	8h00	Tu niệm Phật
10	05/2 Âl	10h00	Lễ tưởng niệm lần thứ 5 cố Hòa thượng trụ trì tổ đình Vạn Đức viên tịch
11	09/2 Âl	10h00	Phóng sanh tại sông Hoài
12	15/2 Âl	8h00	Tu Bát Quan Trai
13	19/2 Âl	10h00	Vía đức Bồ tát Quán Thế Âm
		19h00	Tri chú Đại Bi trước tượng đài Quán Âm
14	26/2 Âl	8h00	Phóng sanh tại sông Hoài
		19h00	Tụng kinh Dược sư
			Thắp hoa đăng
			Cúng thí thực
15	27/2 Âl	8h00	Tụng kinh Dược sư biến thứ 49
			Phát thuốc Dược sư
			Cúng ngộ
			Thọ trai
Kết thúc			